

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC
ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**CÔNG TY CP SÁCH
VÀ THIẾT BỊ BÌNH THUẬN**
Số: 127/BCTN-22

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bình Thuận, ngày 10 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO Thường niên năm 2021

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ BÌNH THUẬN**
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3400393632
 - Vốn điều lệ: 11.000.000.000 đồng
 - Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 14.344.787.679 đồng
 - Địa chỉ: 70 Nguyễn Văn Trỗi – TP. Phan Thiết – Tỉnh Bình Thuận.
 - Số điện thoại: 02523816118
 - Website: www.stbbt.com.vn
 - Mã cổ phiếu: **BST**
 - Quá trình hình thành và phát triển.
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách và Thiết bị Bình Thuận thuộc Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Thuận theo Quyết định số 2734/QĐ-CTUBBT ngày 7 tháng 6 năm 2004 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Thuận. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3400393632 ngày 01 tháng 09 năm 2004 (Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 9 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần thay đổi gần nhất vào ngày 22/6/2020). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.
 - Ngày 01/09/2004, Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần và được Trung tâm giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp giấy phép niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt nam vào ngày 28/11/2008.
 - Năm 2006, Công ty được Nhà nước tặng danh hiệu “Huân chương lao động hạng 3” Liên tục các năm 2007, 2008 Công ty được UBND Tỉnh tặng bằng khen, Bộ GD-ĐT tặng bằng khen và cờ thi đua xuất sắc, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tặng thưởng đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm qua các năm, góp phần vào sự phát triển của ngành Giáo dục Việt Nam.

- Các sự kiện khác:

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh Sách giáo khoa, Sách tham khảo, văn phòng phẩm, văn hóa phẩm, máy tính, vở tập học sinh, đồ dùng dạy học, Thiết bị giáo dục...

- Địa bàn kinh doanh: Tỉnh Bình Thuận.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.

+ Hội đồng quản trị: 5

+ Ban kiểm soát: 3

+ Ban giám đốc, KTT: 3

+ Trưởng phòng, phó phòng 5

Người đại diện pháp Luật: Chủ tịch HĐQT và Giám đốc Công ty.

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

- Xây dựng vững mạnh, ổn định đội ngũ cán bộ kế thừa.
- Đầu tư mở rộng thị trường, đa dạng hoá sản phẩm.
- Mở rộng liên doanh liên kết, đầu tư vào thị trường vốn ...
- Xây dựng và quảng bá thương hiệu, đổi mới và nâng cao chất lượng phục vụ ...

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

- Doanh thu thuần: 68.694.789.608 đồng.

* Trong đó :	- SGK	52.106.805.438 đồng
	- Sách Tham khảo	795.523.187 đồng
	- Thiết bị	6.700.302.105 đồng
	- Hàng khác	9.001.249.787 đồng

- Doanh thu cho thuê văn phòng: 90.909.091 đồng

- Lợi nhuận trước thuế: 1.902.064.430 đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 1.519.108.592 đồng
- Chia cổ tức: 1.100.000.000 đ (tạm ứng 10%/VĐL)

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

(đvt: ngàn đồng)

CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2021	THỰC HIỆN		TỶ LỆ % (TH/KH)	
		Năm 2021	Năm 2020	So CK	So KH
Tổng Doanh thu	69.000.000	68.694.789	61.648.800	111,4%	99,6%
Lợi nhuận trước thuế	2.000.000	1.902.064	1.775.400	107,1%	95,1%
Thuế TNDN 20%	400.000	382.955	248.600	154,0%	95,7%
Lợi nhuận sau thuế	1.600.000	1.519.108	1.528.800	99,4%	94,9%

2. Tổ chức và nhân Sự - Danh sách Ban điều hành:

1/ Ông: **Nguyễn Minh Hà**, Giám đốc

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 15/07/1971
- Số chứng minh nhân dân : 260935170
- Nơi sinh : Phan Thiết – Bình Thuận
- Quốc tịch : Việt Nam; Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Phan Thiết – Bình thuận
- Địa chỉ thường trú : KP10, phường Phú Trinh, Phan Thiết, Bình Thuận
- Điện thoại liên lạc: 0983186216
- Trình độ văn hoá 12/12
- Trình độ chuyên môn : Đại học Sư Phạm Kỹ Thuật
- Chức vụ công tác hiện nay: Giám đốc Công ty CP Sách Thiết bị Bình Thuận.
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 61.338 cổ phần chiếm 5,57% /VDL

2/ Ông: **Nguyễn Khoa Tuyền**, Kế toán trưởng kiêm trưởng phòng kế toán.

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 01/10/1968
- Số chứng minh nhân dân : 260510627
- Nơi sinh : Phan Thiết – Bình Thuận
- Quốc tịch : Việt Nam; Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Phan Thiết – Bình thuận
- Địa chỉ thường trú: KP7, phường Đức Long, Phan Thiết, Bình Thuận
- Điện thoại liên lạc: 0252 3816118; 0913175019.
- Trình độ văn hoá 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân (Ngành Kế toán)

- Quá trình công tác
- Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Kế toán- Hành chính, Công ty CP Sách – Thiết bị Bình Thuận.
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 17.084 CP chiếm 1,55% /VDL.

3/ Ông: **Trần Hữu Sơn**, Phó Giám đốc.

- Giới tính : Nam
 - Ngày tháng năm sinh : 25/4/1978
 - Số chứng minh nhân dân : 260823501
 - Nơi sinh : Hàm Thuận Bắc - Bình thuận
 - Quốc tịch : Việt Nam; Dân tộc : Kinh
 - Quê quán : Hàm Thuận Bắc - Bình thuận
 - Điện thoại liên lạc ở cơ quan : 0252 3816091; 0983173176
 - Trình độ văn hoá 12/12
 - Trình độ chuyên môn: Đại học Sư Phạm.
 - Quá trình công tác
 - Chức vụ công tác hiện nay: Phó Giám đốc - Công Ty CP Sách Thiết bị Bình Thuận
 - Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 10.924 cổ phần chiếm 0,99% /VDL
- Những thay đổi trong ban điều hành:

Ông: **Trần Hữu Sơn**, giữ chức vụ Phó Giám đốc từ ngày 01/10/2020.

- Số lượng cán bộ, nhân viên: Tổng số CBNV: 35 người.

3. *Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án*

- a) Các khoản đầu tư lớn: Trong năm không có
- b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. *Tình hình tài chính:*

- a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020	% tăng giảm/ %
Tổng giá trị tài sản	21.148.479.318	18.285.138.410	115,7%
Doanh thu thuần	68.694.789.608	61.648.832.368	111,4%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.892.775.643	1.754.935.478	107,9%
Lợi nhuận khác	9.288.787	20.261.826	45,8%
Lợi nhuận trước thuế	1.902.064.430	1.775.197.304	107,1%
Lợi nhuận sau thuế	1.519.108.592	1.526.816.402	99,5%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	10%	10%	100%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán + Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn + Hệ số thanh toán nhanh: Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho/ Nợ ngắn hạn	2,9 1,8	4 3	Lần
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn + Hệ số Nợ/Tổng tài sản + Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	32,17 47,43	22,88 29,67	%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động + Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân + Vòng quay tổng tài Sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	9,9 3,5	13,18 3,37	Lần
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	2,2 10,6 7,18 2,76	2,5 10,8 8 2,8	%

Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng: Không có

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần:

* **Tổng số cổ phần Công ty đang lưu hành: 1.100.000 CP** (CP phổ thông)

b) Cơ cấu cổ đông:

TT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ
1	Cổ đông Nhà nước (Nhà xuất bản GD Việt Nam)	440.000	40%
2	Cổ đông HĐQT, BKS	98.708	8,98%
3	Cổ đông là CBNV, ngoài Công ty	561.292	51,02%
	Tổng cộng	1.100.000	100%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường:

*** Là Doanh nghiệp thương mại chuyên cung cấp các sản phẩm là sách giáo dục, VPP, VHP...nên không có tác động đến môi trường.**

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: *Không có*

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức. *Không có*

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Sử dụng nguồn điện kinh doanh.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả. *Không có*

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: *Không có*

6.4. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Sử dụng nguồn nước sinh hoạt. Lượng nước sử dụng bình quân 700 m³/năm.

b) Tỷ lệ % và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: *Không có*.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường. *Không có*

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường. *Không có*

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

* Tổng số Lao động toàn Công ty: 35 người;

Lương bình quân: 9 triệu/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

- Trong năm, đơn vị đã triển khai kịp thời, thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động bao gồm: chế độ lương, thưởng, làm thêm giờ, ăn ca, lễ tết, trang phục, trợ cấp khó khăn, phụ cấp hỗ trợ công

tác phí... Thu nhập bình quân năm 2021 tăng 112,5% so với năm 2020 (9tr/8tr).

- Giải quyết tốt các chế độ bảo hiểm: Thai sản ốm đau, chi hiếu hỷ, trợ cấp đột xuất, tặng quà cưới, tặng quà cán bộ nghỉ hưu, hỗ trợ người lao động có hoàn cảnh khó khăn . . .

- Sử dụng quỹ phúc lợi phục vụ hỗ trợ tốt các chế độ cho người lao động và công tác xã hội.

- Tổ chức tạo điều kiện cho công nhân lao động học tập chế độ chính sách, chỉ thị nghị quyết đầy đủ.

- Hàng năm tổ chức cho CBNV tham quan, học tập trao đổi kinh nghiệm với các đơn vị bạn.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: Theo nhu cầu và tình hình thực tế của Công ty, hàng năm Công ty cử từ 2 đến 5 người đi tập huấn nghiệp vụ các lớp ngắn hạn.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: *Tập trung khai thác tốt công tác bán lẻ, công tác thị trường, thực hiện các giải pháp để hoàn thành kế hoạch để ổn định và phát triển.*

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

- Tổng kinh phí tham gia xã hội, từ thiện: 22.470.000 đồng;

TT	NỘI DUNG	TIỀN MẶT	HIỆN VẬT	
			Hiện vật	Trị giá (đồng)
1	Tặng vở tập học sinh cho trường.		(600 cuốn vở)	3.600.000
2	Ủng hộ phong trào nông thôn mới	3.000.000		
3	Quỹ đền ơn đáp nghĩa	3.000.000		
4	Quỹ người nghèo	3.000.000		
5	Quà Tết cho người nghèo, khó khăn	5.500.000		
6	Đóng góp phòng chống dịch Covid 19	4.370.000		
	TỔNG CỘNG	18.870.000		3.600.000

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2021 Ban điều hành và tập thể lao động đã luôn đầu tư suy nghĩ, năng động vượt khó để hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh năm 2021 trong bối cảnh kinh tế khó khăn do dịch covid-19; sức mua giảm, Thị trường sách, thiết bị. Đồ dùng văn phòng... cạnh tranh gay gắt, chi phí ngày càng

tăng cao (chiết khấu, tiền lương, bảo hiểm, dịch vụ khác...)

- Kết quả công ty đã đạt được.

TT	CHỈ TIÊU	Thực hiện 2020	Thực hiện 2021	TỶ LỆ %
1	Tổng Doanh thu	61.648.832.368	68.694.789.608	111,4%
2	Lợi nhuận trước thuế	1.775.197.304	1.902.064.430	107,1%
3	Thu nhập bình quân	8.000.000	9.000.000	112,5%
4	Cổ tức (%)	10%	10%	100,0%
5	Nộp ngân sách	1.231.000.000	1.350.000.000	109,7%

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản:

-Tổng tài sản đến 31/12/2021: 21.148.479.318 đồng tăng 115,7% so cùng kỳ.

*Trong đó:+ Tài sản ngắn hạn:20.061.605.935 đồng tăng 118% so cùng kỳ.

+ Tài sản dài hạn: 1.086.873.383 đồng giảm 84,3% so cùng kỳ.

+ Vốn chủ sở hữu: 14.344.787.679 đồng tăng 101,7% so cùng kỳ.

b) Tình hình nợ phải trả:Tình hình nợ hiện tại,biến động lớn về các khoản nợ.

-Tổng nợ phải trả ngắn hạn đến 31/12/2021: 6.803.691.639 đồng.

*Trong đó:+ Nợ ngắn hạn: 6.803.691.639 đồng, tăng 163% so cùng kỳ. (trong đó có khoản nợ phải trả cho khách hàng trong năm 2021 chưa đến hạn hợp đồng là: 4.532.203.688 đồng).

+ Nợ dài hạn: Không có.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

Công ty tập trung nâng cao năng lực điều hành tốt các hoạt động kinh doanh, nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng cường công tác tiếp thị mở rộng bám sát thị trường...chú trọng phát triển nguồn nhân lực đáp ứng được nhiệm vụ công tác, nhu cầu phát triển của Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Định hướng chiến lược yêu cầu phát triển Công ty:

- Xây dựng vững mạnh, ổn định đội ngũ cán bộ kế thừa.
- Đầu tư mở rộng thị trường, đa dạng hoá sản phẩm.
- Mở rộng liên doanh liên kết, đầu tư vào thị trường vốn ...
- Xây dựng và quảng bá thương hiệu, đổi mới và nâng cao chất lượng phục vụ.
- Tăng cường bổ sung, điều chỉnh kịp thời nhân sự có đủ năng lực cho các bộ phận công tác để đảm nhiệm hoàn thành tốt nhiệm vụ trong tình hình mới, Tiếp tục quan tâm bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, kiến thức nghiệp vụ cho đội ngũ đủ khả năng đương đầu, giải quyết các tình huống kinh doanh trong cơ chế thị trường mở.
- Thực hiện đoàn kết, phát huy dân chủ, chăm lo đời sống CBNV, tạo môi trường thuận lợi cho đội ngũ phấn đấu, phát triển.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

của công ty: Không có

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường: Không có

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Đánh giá thực hiện theo thỏa ước lao động tập thể hàng năm.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Không có

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

1/ Quyết toán kết quả kinh doanh năm 2020, trả cổ tức, giải quyết đầy đủ các chế độ lương thưởng cuối năm cho người lao động. Tiếp và làm việc với đoàn kiểm toán. Tổng kết công tác năm 2020 (Tháng 01/2021), tham dự các Hội nghị giới thiệu sách. Dự Hội nghị tổng kết và triển khai nhiệm vụ của NXBGDVN.

2/ Phát hành sách ôn thi THPT.

3/ Ký hợp đồng triển khai thực hiện gói thầu Nhà thiếu nhi tỉnh, tham gia các gói thầu thiết bị văn phòng phẩm.

4/ Ký kết thỏa ước lao động tập thể và giao các chỉ chỉ tiêu giao khoán nhà sách.

5/ Tổ chức thành công Đại hội cổ đông năm 2021. Hoàn tất thủ tục công bố thông tin và thay đổi thủ tục pháp lý.

6/ Xây dựng chính sách phát hành năm 2021 và các chế độ cộng tác viên cho các đơn vị Phòng trường. Điều chuyển và bổ sung nhân sự giữa các bộ phận trong mùa cao điểm.

7/ Xây dựng kế hoạch sách lớp 2,6 tổng hợp kết quả thi đua thư viện gửi Sở Giáo dục.

8/ Điều chỉnh lại mẫu hóa đơn điện tử, xây dựng trang bán hàng online, ban hành bổ sung quy chế nhập xuất hàng hóa.

9/ Thực hiện tháng khuyến mãi phục vụ hè.

10/ Quyết toán kết quả kinh doanh năm 2021, làm việc với đoàn kiểm toán báo cáo tài chính năm.

11/ Tổ chức tham dự công tác tập huấn sách giáo khoa lớp 2,6.

12/ Khảo sát, củng cố và mở rộng mạng lưới phát hành sách giáo dục, vở tập học sinh, VPP...trong toàn tỉnh. Theo dõi diễn biến thị trường để xây dựng, điều chỉnh chính sách bán hàng cho phù hợp tính cạnh tranh cao.

13/ Nhập xuất nhanh các loại hàng hóa phục vụ năm học, tổng hợp in ấn các loại ấn phẩm đầu năm học.

14/ Tập trung công tác thu hồi công nợ đến hạn đồng thời thanh toán nhanh cho Phương Nam, Miền Nam và đầu tư tài chính ngắn hạn, sử dụng hiệu quả vốn lưu động.

15/ HĐQT nhất trí Quyết nghị (100%) thông qua kết quả kinh doanh của Ban điều hành trong năm 2021.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Ông Trần Văn Hưng, Chủ tịch HĐQT, đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021.

HĐQT thống nhất thông qua báo cáo tổng kết công tác kinh doanh năm 2021 của Công ty, đánh giá cao sự nỗ lực, nhạy bén của Ban điều hành và tập thể lao động đã luôn đầu tư suy nghĩ, năng động vượt khó để hoàn thành tốt kế hoạch kinh doanh năm 2021 trong bối cảnh kinh tế khó khăn do dịch covid-19; Là năm tình hình hoạt động kinh doanh tiếp tục rất khó khăn, bị gián đoạn ngưng hoạt động do dịch covid-19 diễn biến phức tạp, hệ thống bán lẻ tại 2 nhà sách đóng cửa từ ngày 18/7/2021 cho đến thời điểm hiện nay, phương thức phát hành sách lớp 1,2,6 đến tận trường tạo nên áp lực lớn về công tác giao nhận, tồn kho và trả sách với giá trị lớn do học sinh không đến trường nhận sách được, công nợ chậm thanh toán... Sách lớp 1,2,6 nhập kho không đồng bộ. Đặc biệt tình chọn 3 bộ sách lớp 1 càng gây thêm áp lực đối với công tác nhập xuất hàng

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Căn cứ phương hướng nhiệm vụ kế hoạch công tác năm 2022 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt nam, xuất phát từ yêu cầu tiếp tục ổn định, phát triển của Công ty trong thời gian tới, HĐQT Công ty CP Sách -Thiết bị Bình Thuận tập trung lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ công tác trong năm 2022 sau đây:

Căn cứ phương hướng nhiệm vụ kế hoạch công tác năm 2022 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam, xuất phát từ yêu cầu tiếp tục giữ vững ổn định, phát triển Công ty trong tình hình mới (năm thay sách lớp 3,7,10).

HĐQT Công ty Sách –Thiết bị Bình Thuận tập trung lãnh đạo, triển khai các nhiệm vụ trọng tâm năm 2022 sau đây:

- Xét duyệt thông qua kết quả kinh doanh năm 2021
- Bàn định kế hoạch công tác HĐQT năm 2022.

Quyết nghị các chỉ tiêu kế hoạch tài chính chủ yếu năm 2022 chuẩn bị trình báo cáo thông qua ĐHĐCĐ thường niên.

Doanh thu: 80,2 tỷ đồng

Lợi nhuận (tt): 2 tỷ đồng

Cổ tức: 11%

Quỹ tiền lương: 4,6 tỷ đồng.

- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên tháng 4/2022.
- Kịp thời chỉ đạo triển khai thực hiện các chính sách bán hàng năm 2022 trong tình hình mới – thay sách lớp 3,7,10, chủ động ứng phó diễn biến thị trường khi ngành giáo dục thực hiện một chương trình nhiều bộ sách trong năm 2022 và các năm tiếp theo.
- Hoàn thiện các chế độ đãi ngộ người lao động Công ty nhằm ổn định, phát huy tốt nguồn lực lao động tăng năng suất lao động.
- Điều chỉnh nhân một vài vị trí công tác trong bộ máy điều hành để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: HĐQT có 05 người.

Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ	Ghi chú
1. Trần Văn Hưng	Chủ tịch HĐQT	0%	Phó Giám đốc NXBGD tại TPHCM; độc lập.
2. Nguyễn Minh Hà	TV HĐQT	5,57%	Giám đốc công ty.
3. Nguyễn Khoa Tuyển	-	1,55%	Kế toán trưởng công ty.
4. Vũ Bùi Biền	-	0%	Phó phòng in phát hành NXBGD tại TPHCM/ độc lập.
5. Nguyễn Văn So	-	0,82%	Thành viên độc lập.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: *Không có*

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	Số: 20/NQ-HĐQT-2021	29/01/2021	-Đánh giá thực hiện nhiệm vụ của HĐQT năm 2020. -Đánh giá thực hiện nhiệm vụ của Ban điều hành năm 2020. -Thông qua kết quả kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2020. -Quyết nghị chương trình công tác năm 2021 của HĐQT. Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2021 (các chỉ tiêu chủ yếu).
2	Số: 26/NQ-HĐQT	9/3/2021	-V/v chốt danh sách cổ đông để tổ chức Đại hội cổ đông thường niên 2021
3	Số: 90/NQ-HĐQT-2021	22/10/2021	1/ Kiểm điểm công tác 9 tháng năm 2021. 2/ Kiểm điểm sự điều hành của Ban Giám đốc. 3/ Quyết nghị chương trình công tác quý 4 năm 2021 của HĐQT.
4	Số: 129/NQ-HĐQT	21/12/2021	V/v: Tạm ứng cổ tức năm 2021

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: *CTy Không có tiểu ban HĐQT.*

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Ông Trần Văn Hưng, Chủ tịch HĐQT, chứng chỉ C.E.O – Giám đốc Doanh nghiệp.

2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (3 thành viên BKS)

Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ	Ghi chú
Ông. Đỗ Huy Kiên	Trưởng ban KS	0%	Độc lập.
Ông. Vương Trí Thịnh	TV	0,027%	NV công ty.
Ông: Lê Trung Nhân	TV	0,32%	NV công ty.

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Định kỳ BKS họp 01 lần trong năm, thẩm tra kết quả báo cáo tài chính năm và công bố tại đại hội cổ đông thường niên. Riêng Trưởng ban kiểm soát luôn tham gia các cuộc họp của HĐQT. Thống nhất cao kết quả các cuộc họp.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích.

Họ và tên	Chức vụ	Số tiền	Ghi chú
1. Trần Văn Hưng	Chủ tịch HĐQT	23.432.400	Thù lao HĐQT
2. Nguyễn Minh Hà	TV HĐQT, GD	244.385.000	Lương, Thưởng, Thù lao
3. Nguyễn Khoa Tuyển	TV HĐQT	19.229.000	Thù lao HĐQT
4. Vũ Bùi Biền	TV HĐQT	18.746.100	Thù lao HĐQT
5. Nguyễn Văn So	TV HĐQT	18.746.100	Thù lao HĐQT
6. Đỗ Huy Kiên	Trưởng ban KS	12.819.227	Thù lao BKS
7. Vương Trí Thịnh	BKS	9.614.458	Thù lao BKS
8. Lê Trung Nhân	BKS	9.614.458	Thù lao BKS
9. Trần Hữu Sơn	Phó Giám đốc	167.859.700	Lương, Thưởng

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

T T	Tên tổ chức/cá nhân	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số cổ phần sở hữu	Quan hệ với CĐNB	Ghi chú
1	Trần Văn Hưng	Chủ tịch HĐQT	020458123	25.6.2007	TP.HCM	TP.HCM			
	Trần Thị Tuyết Sương		079172011307	05/01/2019	Cục cảnh sát QLHC về trật tự XH	TP.HCM		Vợ	
	Trần Ngọc Uyên Nhi		025352031	02/07/2010	CA TP.HCM	TP.HCM		Con	
	Trần Ngọc Minh Như		07930001700 1	04/05/2020	Cục cảnh sát QLHC về trật tự XH	TP.HCM		Con	
2	Nguyễn Văn So	HĐQT	260065343	23.09.2003	Bình Thuận	Bình Thuận	9.062		
	Nguyễn Thị Ngọc Anh		260065315	15.02.2007	Bình Thuận	Bình Thuận		Vợ	
	Nguyễn Sỹ Trung Kiên		260870168	11.01.2001	Bình Thuận	Bình Thuận	567	Con	
	Nguyễn Sỹ Trung Tín				Bình Thuận	Bình Thuận		Con	
3	Vũ Bùi Biển	HĐQT	031077007110	21.11.2019	CA TP.HCM	TP.HCM			
	Trần Thị Hằng		25465657	01/09/11	CA TP.HCM	TP.HCM		Vợ	
	Vũ Bá Khôi Nguyễn					TP.HCM		Con	Nhỏ
4	Nguyễn Minh Hà	HĐQT/ GD	260935170	14.01.1999	Bình Thuận	Bình Thuận	61.338		
	Nguyễn Thị Bạch Tuyết		260572871	05.02.2004	Bình Thuận	Bình Thuận		Vợ	
	Nguyễn Thị Tuyết Ngọc		261403462	31.5.2012	Bình Thuận	Bình Thuận		Con	
	Nguyễn Quang Khải				Bình Thuận	Bình Thuận		Con	2001
5	Nguyễn Khoa Tuyển	HĐQT /KTT	260510627	12.1.2006	Bình Thuận	Bình Thuận	17.084		
	Huyền Thị Ánh Hồng		260776652	10.1.2008	Bình Thuận	Bình Thuận		Vợ	
	Nguyễn Khoa Thịnh		201331263	26.1.2010	Bình Thuận	Bình Thuận		Con	
	Nguyễn Tấn Phát		261547281	21.7.2016	Bình Thuận	Bình Thuận		Con	
6	Đỗ Huy Kiên	Trưởng ban KS	C8299941	30.9.2019	Cục QL Xuất nhập cảnh	TP.HCM			
	Hoàng Thị Thu Hương		183599725	15.04.2015	CA. Hà Tĩnh	TP.HCM		Vợ	
	Đỗ Thế Minh					TP.HCM		Con	Nhỏ
	Đỗ Anh Quân					TP.HCM		Con	Nhỏ
7	Vương Trí Thịnh	BKS	261167477		Bình Thuận	Bình Thuận	300		
	Bùi Thị Ngọc Bích Thi		261201105	04.02.2020	Bình Thuận	Bình Thuận		Vợ	
	Vương Đức Phú				Bình Thuận	Bình Thuận		Con	2016
8	Lê Trung Nhân	BKS	260508628	11.11.2008	Bình Thuận	Bình Thuận	3.505		
	Trương Trọng Ngọc Hà		260492828	11.01.2008	Bình Thuận	Bình Thuận		Vợ	

	Lê Ngọc Ngân		261382892	02.08.2011	Bình Thuận	Bình Thuận		Con	
	Lê Ngọc Nghĩa		261524509	01.07.2013	Bình Thuận	Bình Thuận		Con	
9	Trần Hữu Sơn	Phó GD	260823501	8.3.2012	Bình Thuận	Bình Thuận	10.924		Tháng 10/2020
	Vũ Thị Thu Hà		260877011	3.8.2012	Bình Thuận	Bình Thuận	900	Vợ	
	Trần Phúc Lâm				Bình Thuận	Bình Thuận		Con	2008

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: *Không có*

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty, các quy chế Nghị quyết khác của Công ty và các văn bản pháp luật hiện hành.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2021 bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		20.061.605.935	16.995.414.549
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	4.351.087.513	2.127.399.521
1. Tiền	111		2.351.087.513	2.127.399.521
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.000.000.000	6.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6a	2.000.000.000	6.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.199.071.486	4.452.552.192
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	5.778.468.238	3.931.286.069
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	179.550.178	225.586.855
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	55.714.996	130.628.316
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	373.306.475	376.630.672
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(187.968.401)	(211.579.720)
IV. Hàng tồn kho	140	12	7.511.446.936	4.399.410.941
1. Hàng tồn kho	141		7.701.363.977	4.744.271.202
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(189.917.041)	(344.860.261)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	16.051.895
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	10.110.239
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	5.941.656
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.086.873.383	1.289.723.861
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	17.500.002
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	17.500.002
II. Tài sản cố định	220		513.004.583	629.887.859
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	513.004.583	629.887.859
- Nguyên giá	222		3.437.883.936	3.437.883.936
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.924.879.353)	(2.807.996.077)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	-	-
- Nguyên giá	228		83.000.000	83.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(83.000.000)	(83.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230	15	-	-
- Nguyên giá	231		210.725.800	210.725.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(210.725.800)	(210.725.800)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		573.868.800	642.336.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6b	727.920.000	727.920.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(154.051.200)	(85.584.000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		21.148.479.318	18.285.138.410

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		6.803.691.639	4.184.762.323
I. Nợ ngắn hạn	310		6.803.691.639	4.184.762.323
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	4.532.203.688	2.013.775.592
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	116.472.621	244.247.679
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	183.670.630	95.295.176
4. Phải trả người lao động	314		1.252.074.553	1.052.932.558
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		45.000.000	45.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	22.989.933	37.995.673
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	342.630.720	321.399.060
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		308.649.494	374.116.585
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		14.344.787.679	14.100.376.087
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	14.344.787.679	14.100.376.087
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21	11.000.000.000	11.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		11.000.000.000	11.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		112.410.011	112.410.011
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	21	1.779.123.163	1.748.741.163
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	1.453.254.505	1.239.224.913
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		139.224.913	79.307.511
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.314.029.592	1.159.917.402
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		21.148.479.318	18.285.138.410

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	23	73.061.092.365	61.933.255.803
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	4.366.302.757	284.423.435
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		68.694.789.608	61.648.832.368
4. Giá vốn hàng bán	11	25	58.830.612.408	52.238.132.224
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		9.864.177.200	9.410.700.144
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	355.203.693	508.441.627
7. Chi phí tài chính	22	27	402.546.688	444.503.297
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	26.007.838	19.526.898
8. Chi phí bán hàng	25	28a	5.987.471.560	5.652.225.981
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28b	1.936.587.002	2.067.477.015
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.892.775.643	1.754.935.478
11. Thu nhập khác	31	29	9.333.267	23.123.571
12. Chi phí khác	32		44.480	2.861.745
13. Lợi nhuận khác	40		9.288.787	20.261.826
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.902.064.430	1.775.197.304
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	382.955.838	248.380.902
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.519.108.592	1.526.816.402
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	1.222	1.124
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	31	1.222	1.124

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		66.550.384.292	62.294.155.033
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(63.159.639.760)	(57.428.677.731)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(3.924.202.660)	(3.725.366.608)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	27	(26.007.838)	(19.526.898)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	18	(352.003.280)	(252.886.076)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.454.358.913	2.615.636.899
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(2.565.320.912)	(2.960.975.526)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.022.431.245)	522.359.093
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.000.000.000)	(9.090.000.000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		6.092.413.322	10.145.444.641
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10,26	232.474.255	417.798.144
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		4.324.887.577	1.473.242.785
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	20	1.181.231.660	894.165.160
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	20	(1.160.000.000)	(970.809.845)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	21	(1.100.000.000)	(1.100.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.078.768.340)	(1.176.644.685)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		2.223.687.992	818.957.193
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	2.127.399.521	1.308.442.328
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	4.351.087.513	2.127.399.521

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách và Thiết bị Bình Thuận thuộc Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Thuận theo Quyết định số 2734/QĐ-CTUBBT ngày 07/06/2004 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Thuận. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4803000042 ngày 01/09/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận (từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 9 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 22/06/2020 với mã số doanh nghiệp là 3400393632), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

1.2. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). Chi tiết: Sản xuất thiết bị giáo dục văn phòng phẩm;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Mở siêu thị, cho thuê văn phòng;
- Xây dựng nhà các loại;

- In ấn;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng;
- Dịch vụ liên quan đến in. Chi tiết: Phát hành các loại ấn phẩm;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn sách giáo khoa;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn thiết bị giáo dục, văn phòng phẩm;
- Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội). Chi tiết: Đầu tư vốn hoạt động tài chính (chứng khoán, cổ phần);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn vật liệu xây dựng;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Kinh doanh đồ chơi trẻ em (Không kinh doanh các loại đồ chơi, trò chơi nguy hiểm, đồ chơi, trò chơi có hại tới giáo dục nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc tới an ninh, trật tự an toàn xã hội).

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ

Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất

tích, bỏ trốn.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	30
Phương tiện vận tải	8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4

4.6 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm kế toán	Hết khấu hao

4.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Riêng các bất động sản đầu tư chờ tăng giá để bán được phản ánh theo giá ghi sổ sau khi trừ đi phần tổn thất do giảm giá trị.

Chính sách khấu hao bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện nhất quán với chính sách khấu hao tài sản cố định cùng loại của Công ty. Theo đó, bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được tính dựa vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	Hết khấu hao

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và

theo nguyên tệ.

4.9 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.10 Vay và các khoản nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo quyết định của Đại hội cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến các luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.12 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.

- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.13 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.14 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

4.15 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi vay, chiết khấu thanh toán cho người mua, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.16 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.17 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.18 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Sách giáo khoa, sách tham khảo bổ trợ cho sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế; Thiết bị văn phòng, từ điển áp dụng mức thuế suất 5%; Các mặt hàng khác như tem, nhãn, mẫu biểu, thiết bị... áp dụng mức thuế suất 10%.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.19 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác và đầu tư tài

chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021	01/01/2021
Tiền mặt	38.321.000	34.941.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.312.766.513	2.092.458.521
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	2.000.000.000	-
Cộng	<u>4.351.087.513</u>	<u>2.127.399.521</u>

6. Đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng	2.000.000.000	2.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
Cộng	2.000.000.000	2.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000

Tại ngày 31/12/2021, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn của Công ty là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng. Ban Giám đốc đánh giá rằng các khoản đầu tư này không bị suy giảm, tổn thất về giá trị.

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Số lượng cổ phiếu	31/12/2021			01/01/2021			Giá trị hợp lý
				Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng		
Công ty CP Sách TBGD Bình Dương (i)	Đang hoạt động	3%	30.000	300.000.000	-	-	300.000.000	-	-	
Công ty CP Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận (BMD)(ii)	Đang hoạt động	1,55%	42.792	427.920.000	(154.051.200)	273.868.800	427.920.000	(85.584.000)	342.336.000	
Cộng				727.920.000	(154.051.200)	273.868.800	727.920.000	(85.584.000)	342.336.000	

- (i) Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty Cổ phần Sách TBGD Bình Dương có vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Cổ phiếu của Công ty này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và không có nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Do đó, khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc và không trích dự phòng.
- (ii) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận (mã chứng khoán BMD) được xác định căn cứ theo giá tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 31/12/2021.

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2021	01/01/2021
Ban Quản lý Dự án Tuy Phong	399.892.000	21.533.000
Nhà sách Hồng Ân	404.204.243	-
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện Bắc Bình	286.980.000	-
Các đối tượng khác	4.687.391.995	3.909.753.069
Cộng	5.778.468.238	3.931.286.069

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Công ty TNHH SX-TM-DV Đại Thành Đạt	21.150.178	7.593.340
Công ty TNHH Hữu Minh Đồng Nai	100.000.000	-
Công ty CP Thương mại Quốc Tế Meditop	58.400.000	-
Các đối tượng khác	-	217.993.515
Cộng	179.550.178	225.586.855

8. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Cán bộ công nhân viên (i)	55.714.996	130.628.316
Cộng	<u>55.714.996</u>	<u>130.628.316</u>

(i) Là khoản vay đến hạn trả của các cán bộ công nhân viên (không có tài sản thế chấp) với thời hạn vay từ 24 tháng đến 30 tháng, lãi suất cho vay từ 7%/năm.

9. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	19.260.274	-	46.558.333	-
Tạm ứng	7.880.000	-	8.001.000	-
Ký quỹ, ký cược	346.166.201	-	318.457.000	-
Phải thu khác	-	-	3.614.339	-
Cộng	<u>373.306.475</u>	<u>-</u>	<u>376.630.672</u>	<u>-</u>

10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2021	01/01/2021
Dự phòng cho khoản nợ phải thu quá hạn	187.968.401	211.579.720
- Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	7.373.116	-
- Từ 1 năm đến 2 năm	91.675.883	22.540.383
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	35.842.486	71.344.469
- Từ 3 năm trở lên	53.076.916	117.694.868
Cộng	<u>187.968.401</u>	<u>211.579.720</u>

11. Hàng tồn kho

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	7.701.363.977	(189.917.041)	4.744.271.202	(344.860.261)
Cộng	<u>7.701.363.977</u>	<u>(189.917.041)</u>	<u>4.744.271.202</u>	<u>(344.860.261)</u>

- Giá trị hàng tồn kho kém phẩm chất, khó tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2021 là 189.917.041 đồng. Hiện nay Công ty đang có kế hoạch thanh lý đối với các mặt hàng này.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2021.

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu kỳ	1.984.596.285	1.082.872.651	370.415.000	3.437.883.936
Mua sắm trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	1.984.596.285	1.082.872.651	370.415.000	3.437.883.936
Khấu hao				
Số đầu kỳ	1.505.326.783	946.136.794	356.532.500	2.807.996.077
Khấu hao trong kỳ	29.493.498	78.134.778	9.255.000	116.883.276
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	1.534.820.281	1.024.271.572	365.787.500	2.924.879.353
Giá trị còn lại				
Số đầu kỳ	479.269.502	136.735.857	13.882.500	629.887.859
Số cuối kỳ	449.776.004	58.601.079	4.627.500	513.004.583

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 1.890.980.570 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2021.

13. Tài sản cố định vô hình

TSCĐ vô hình là phần mềm máy tính có nguyên giá 83.000.000 đồng, đã khấu hao hết.

14. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số đầu kỳ	210.725.800	210.725.800
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	210.725.800	210.725.800
Khấu hao lũy kế		
Số đầu kỳ	210.725.800	210.725.800
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	210.725.800	210.725.800
Giá trị còn lại		
Số đầu kỳ	-	-
Số đánh cuối kỳ	-	-

- Nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 210.725.800 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2021.

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Nam	1.838.199.310	-
Các đối tượng khác	2.694.004.378	2.013.775.592
Cộng	4.532.203.688	2.013.775.592

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2021	01/01/2021
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP HCM	Chung Công ty đầu tư	279.308.690	129.218.290
Công ty CP Sách và TBTH TP HCM	Chung Công ty đầu tư	198.319.649	177.444.839
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung Công ty đầu tư	378.543.114	230.000.000
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung Công ty đầu tư	1.838.199.310	-
Các đối tượng khác	Chung Công ty đầu tư	144.060.680	80.031.985
Cộng		2.838.431.443	616.695.114

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Trường Tiểu Học Phan Hiệp	12.382.800	-
Thanh Vân	11.971.838	-
Các đối tượng khác	92.117.983	244.247.679
Cộng	116.472.621	244.247.679

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	-	485.187.882	425.267.556	-	59.920.326
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	25.986.817	382.955.838	352.003.280	-	56.939.375
Thuế thu nhập cá nhân	-	69.308.359	189.642.050	192.139.480	-	66.810.929
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	5.941.656	-	41.331.169	47.272.825	-	-
Thuế môn bài	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
Cộng	5.941.656	95.295.176	1.104.116.939	1.021.683.141	-	183.670.630

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

18. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2021	01/01/2021
Kinh phí công đoàn	22.569.000	34.657.000
Bảo hiểm xã hội	420.933	3.338.673
Cộng	22.989.933	37.995.673

19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Cán bộ công nhân viên trong Công ty	321.399.060	181.231.660	160.000.000	342.630.720
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bình Thuận	-	1.000.000.000	1.000.000.000	-
Cộng	321.399.060	1.181.231.660	1.160.000.000	342.630.720

20. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2020	11.000.000.000	112.410.011	1.672.304.163	1.179.307.511	13.964.021.685
Tăng trong kỳ	-	-	76.437.000	1.526.816.402	1.603.253.402
Giảm trong kỳ	-	-	-	1.466.899.000	1.466.899.000
Số dư tại 31/12/2020	11.000.000.000	112.410.011	1.748.741.163	1.239.224.913	14.100.376.087
Số dư tại 01/01/2021	11.000.000.000	112.410.011	1.748.741.163	1.239.224.913	14.100.376.087
Tăng trong kỳ	-	-	30.382.000	1.519.108.592	1.549.490.592
Giảm trong kỳ	-	-	-	1.305.079.000	1.305.079.000
Số dư tại 31/12/2021	11.000.000.000	112.410.011	1.779.123.163	1.453.254.505	14.344.787.679

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2021	01/01/2021
Vốn góp của Công ty TNHH MTV NXB GD Việt Nam	4.400.000.000	4.400.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	6.600.000.000	6.600.000.000
Cộng	11.000.000.000	11.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm 2021	Năm 2020
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	11.000.000.000	11.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	11.000.000.000	11.000.000.000
Cổ tức đã chia	1.100.000.000	1.100.000.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.100.000	1.100.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.100.000	1.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.100.000	1.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.100.000	1.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.100.000	1.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	1.239.224.913	1.179.307.511
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	1.519.108.592	1.526.816.402
Phân phối lợi nhuận	1.305.079.000	1.466.899.000
Phân phối lợi nhuận kỳ trước (*)	1.100.000.000	1.100.000.000
- Trả cổ tức cho các cổ đông	1.100.000.000	1.100.000.000
Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này (**)	205.079.000	366.899.000
- Quỹ đầu tư phát triển	30.382.000	76.437.000
- Trích quỹ KTQL, quỹ khen thưởng Ban điều hành	174.697.000	290.462.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.453.254.505	1.239.224.913

(*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 số 46/NQ-ĐHCD-2021 ngày 23/04/2021.

(**) Công ty tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 09/NQ-HĐQT-2022 ngày 14/01/2022.

f. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên vào ngày 23/04/2021 đã thông qua phương án chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2020 với tỷ lệ 10% vốn điều lệ, tương ứng 1.100.000.000 đồng. Công ty đã thực hiện chi trả số cổ tức này trong năm 2021.

21. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Nợ khó đòi đã xử lý	VNĐ	Nguyên nhân xóa nợ
DNTN Hoàng Hải	16.250.000	Nợ không thu hồi được
Công ty TNHH Quản lý Dự án Kiên Long	43.250.000	Nợ không thu hồi được
Đỗ Đình Nam	52.832.481	Nợ không thu hồi được
Nguyễn Thị Ngọc	57.791.666	Nợ không thu hồi được
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế ECENTER Phan Thiết	30.000.000	Nợ không thu hồi được
Nguyễn Thị Mộng Thu	17.563.106	Nợ không thu hồi được
Các đối tượng khác	216.085.916	
Cộng	433.773.169	

22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021	Năm 2020
Doanh thu bán sách giáo khoa	55.829.701.375	42.801.434.322
Doanh thu bán sách tham khảo	795.523.187	1.376.655.159
Doanh thu bán thiết bị giáo dục	7.318.527.356	7.602.672.837
Doanh thu bán hàng hóa khác	9.026.431.356	10.152.493.485
Doanh thu cho thuê văn phòng	90.909.091	-
Cộng	73.061.092.365	61.933.255.803

23. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2021	Năm 2020
Hàng bán bị trả lại	4.366.302.757	284.423.435
Cộng	4.366.302.757	284.423.435

24. Giá vốn hàng bán

	Năm 2021	Năm 2020
Giá vốn sách giáo khoa	46.478.985.100	37.700.127.961
Giá vốn sách tham khảo	513.940.742	895.461.444
Giá vốn thiết bị giáo dục	5.427.600.866	6.259.859.033
Giá vốn hàng hóa khác	6.220.168.659	7.037.823.525
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	189.917.041	344.860.261
Cộng	58.830.612.408	52.238.132.224

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	131.528.356	201.368.644
Chiết khấu thanh toán	150.027.497	234.280.983
Cổ tức, lợi nhuận được chia	73.647.840	72.792.000
Cộng	355.203.693	508.441.627

26. Chi phí tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí lãi vay	26.007.838	19.526.898
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	308.071.650	339.392.399
Dự phòng tổn thất đầu tư	68.467.200	85.584.000
Cộng	402.546.688	444.503.297

27. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí nhân công	3.301.050.772	3.129.492.130
Chi phí khấu hao TSCĐ	87.389.772	87.389.772
Chi phí tuyên truyền quảng cáo, môi giới	1.481.025.470	1.298.355.849
Các khoản khác	1.118.005.546	1.136.988.230
Cộng	5.987.471.560	5.652.225.981

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí nhân công	1.303.100.073	1.243.882.648
Chi phí tiếp khách, hội nghị, khánh tiết	84.465.474	177.470.136
Chi phí khấu hao TSCĐ	29.493.504	29.493.504
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	104.928.673	119.579.720
Các khoản khác	414.599.278	497.051.007
Cộng	1.936.587.002	2.067.477.015

28. Thu nhập khác

	Năm 2021	Năm 2020
Thu nhập từ trưng bày, quảng cáo	9.090.909	-
Thu nhập khác	242.358	23.123.571
Cộng	9.333.267	23.123.571

29. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021	Năm 2020
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.902.064.430	1.775.197.304
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	12.714.757	(1.048.000)
- Điều chỉnh tăng (Chi phí không hợp lệ)	86.362.597	71.744.000
- Điều chỉnh giảm (cổ tức và lợi nhuận được chia)	73.647.840	72.792.000
Tổng thu nhập chịu thuế	1.914.779.187	1.774.149.304
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	382.955.838	248.380.902
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	382.955.838	354.829.860
- Giảm 30% thuế TNDN phải nộp	-	(106.448.958)

30. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.519.108.592	1.526.816.402
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(174.697.000)	(290.462.000)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	174.697.000	290.462.000
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.344.411.592	1.236.354.402
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.100.000	1.100.000
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.222	1.124

31. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí nhân công	4.604.150.845	4.373.374.778
Chi phí khấu hao tài sản cố định	116.883.276	116.883.276
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.144.322.436	940.944.331
Chi phí khác bằng tiền	1.953.773.332	2.168.920.891
Cộng	7.819.129.889	7.600.123.276

32. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là kinh doanh sách và thiết bị trường học và một bộ phận địa lý chính là Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

33. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro về tỷ giá, rủi ro về lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Công ty thường vay cán bộ công nhân viên khi cần bổ sung vốn lưu động hoặc vay ngắn hạn ngân hàng. Đây là những khoản vay với lãi suất thỏa thuận, ổn định và được xác định tại thời điểm nhận nợ. Do đó, Ban Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa chủ yếu là sách, thiết bị trường học từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động thương mại, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của hàng hóa mua vào. Để quản lý rủi ro biến động về giá cả, công ty đã ký kết các hợp đồng nguyên tắc với mức chiết khấu phù hợp và ổn định.

Mặt khác, giá cả của các loại hàng hóa này thường ít biến động nên Công ty cho rằng rủi ro về giá trong hoạt động kinh doanh ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Công ty bán hàng theo hai phương thức sau: thông qua các đại lý và trực tiếp bán tại các cửa hàng.

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng nhiều biện pháp tùy vào các phương thức bán hàng:

- Bán hàng qua các đại lý: Các đại lý được khuyến khích trả tiền sớm để hưởng các mức chiết khấu thương mại và chiết khấu thanh toán tốt, trước khi nhận hàng phải trả dứt điểm đợt hàng trước.
- Bán hàng trực tiếp: Thu bằng tiền mặt, không có rủi ro tín dụng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	4.532.203.688	-	4.532.203.688
Chi phí phải trả	45.000.000	-	45.000.000
Vay và nợ thuê tài chính	342.630.720	-	342.630.720
Cộng	4.919.834.408	-	4.919.834.408

01/01/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	2.013.775.592	-	2.013.775.592
Chi phí phải trả	45.000.000	-	45.000.000
Vay và nợ thuê tài chính	321.399.060	-	321.399.060
Cộng	2.380.174.652	-	2.380.174.652

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.351.087.513	-	4.351.087.513
Đầu tư tài chính	-	573.868.800	573.868.800
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Phải thu khách hàng	5.640.385.467	-	5.640.385.467
Phải thu về cho vay	5.829.366	-	5.829.366
Phải thu khác	365.426.475	-	365.426.475
Cộng	12.362.728.821	573.868.800	12.936.597.621

01/01/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.127.399.521	-	2.127.399.521
Đầu tư tài chính	-	642.336.000	642.336.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.000.000.000	-	6.000.000.000
Phải thu khách hàng	3.780.091.979	-	3.780.091.979
Phải thu về cho vay	70.242.686	17.500.002	87.742.688
Phải thu khác	368.629.672	-	368.629.672
Cộng	12.346.363.858	659.836.002	13.006.199.860

34. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

	Mối quan hệ
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP HCM	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBTH TP HCM	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Sách Dân tộc Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung Công ty đầu tư

b. Các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

Giao dịch		Năm 2021	Năm 2020
Mua hàng			
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Sách các loại, thiết bị trường học	31.985.449.650	20.923.168.921
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP HCM	Sách các loại	1.103.161.590	3.250.882.910
Công ty CP Sách và TBTH TP HCM	Thiết bị trường học	1.797.119.697	2.192.292.687
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Sách các loại	13.485.227.049	13.555.994.511
Công ty CP Sách Dân tộc Hà Nội	Sách các loại	62.847.445	98.535.070

c. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Chức danh	Nội dung	Năm 2021	Năm 2020
Ông Trần Văn Hưng	Chủ tịch HĐQT	Thù lao	23.432.400	15.812.500
Ông Nguyễn Minh Hà	Thành viên HĐQT	Thù lao	19.229.000	19.211.000
	Giám đốc	Lương, thưởng	136.896.900	124.708.500
Ông Nguyễn Văn So	Thành viên HĐQT	Thù lao	18.746.100	19.274.300
Ông Vũ Bùi Biên	Thành viên HĐQT	Thù lao	18.746.100	12.926.900
Ông Nguyễn Khoa Tuyển	Thành viên HĐQT	Thù lao	19.229.000	18.011.000
Ông Trần Hữu Sơn	Phó Giám đốc	Lương, thưởng	167.859.700	83.218.900

35. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty đã có thông báo chốt danh sách cổ đông hưởng cổ tức năm 2021 (tỷ lệ 10%) vào ngày 07/01/2022. Dự kiến chi trả vào ngày 24/01/2022.

Ngoài ra, không có sự kiện quan trọng nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

36. Số liệu so sánh

Là số liệu trên báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi AAC.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT, UBCKNN
- Lưu: KT

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Nguyễn Minh Hà